

**BÁO CÁO DANH MỤC CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN
GIAO DỊCH KÝ QUỸ**

Kính gửi: Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam

Công ty Cổ phần chứng khoán APG (APG) xin báo cáo Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ tại APG tháng 01/2023 như sau:

1. Danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ trên Sở GDCK Hà Nội

STT	Mã CK thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã CK bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã CK bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã CK thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
1	BVS			BVS
2	C69			C69
3	GKM			GKM
4	PVS			PVS
5	MBS			MBS
6	NTP			NTP
7	NVB			NVB
8	DDG			DDG
9	IDC			IDC
10	S99			S99
11	AMV			AMV
12	BCC			BCC
13	DTD			DTD
14	HLD			HLD
15	INN			INN
16	LHC			LHC
17	PLC			PLC
18	PMS			PMS
19	PVC			PVC
20	SLS			SLS
21	THD			THD
22	TIG			TIG
23	TNG			TNG
24	TTT			TTT
25	VCS			VCS
26	VGS			VGS
27	SCI			SCI
28	VC3			VC3
29	CAP			CAP
30	DHP			DHP
31	DHT			DHT
32	DXP			DXP
33	LAS			LAS
34	NET			NET
35	PGS			PGS
36	PMC			PMC
37	PSD			PSD
38	PVG			PVG
39	PVI			PVI
40	S55			S55

STT	Mã CK thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã CK bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã CK bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã CK thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
41	SEB			SEB
42	TAR			TAR
43	VIT			VIT
44	VNR			VNR
45	AAV			AAV
46	ADC			ADC
47	ALT			ALT
48	AME			AME
49	ARM			ARM
50	ATS			ATS
51	BAB			BAB
52	BAX			BAX
53	BBS			BBS
54	BCF			BCF
55	BDB			BDB
56	BED			BED
57	BPC			BPC
58	BSC			BSC
59	BST			BST
60	BTS			BTS
61	BTW			BTW
62	CAG			CAG
63	CAN			CAN
64	CDN			CDN
65	CLH			CLH
66	CLM			CLM
67	CPC			CPC
68	CSC			CSC
69	CTB			CTB
70	CTT			CTT
71	D11			D11
72	DAD			DAD
73	DAE			DAE
74	DC2			DC2
75	DIH			DIH
76	DL1			DL1
77	DNC			DNC
78	DNP			DNP
79	DP3			DP3
80	DTK			DTK
81	ECI			ECI
82	EID			EID
83	EVS			EVS
84	FID			FID
85	GDW			GDW
86	GIC			GIC
87	GLT			GLT
88	GMA			GMA
89	GMX			GMX
90	HAD			HAD
91	HAT			HAT
92	HBS			HBS

phat

STT	Mã CK thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã CK bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã CK bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã CK thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
93	HCC			HCC
94	HCT			HCT
95	HDA			HDA
96	HEV			HEV
97	HHC			HHC
98	HJS			HJS
99	HLC			HLC
100	HMH			HMH
101	HOM			HOM
102	HTC			HTC
103	HTP			HTP
104	HVT			HVT
105	IDV			IDV
106	INC			INC
107	ITQ			ITQ
108	KHS			KHS
109	KST			KST
110	KTS			KTS
111	L18			L18
112	L40			L40
113	LBE			LBE
114	LCD			LCD
115	LIG			LIG
116	MBG			MBG
117	MCC			MCC
118	MCF			MCF
119	MCO			MCO
120	MDC			MDC
121	MEL			MEL
122	MKV			MKV
123	MST			MST
124	MVB			MVB
125	NAG			NAG
126	NAP			NAP
127	NBC			NBC
128	NBP			NBP
129	NBW			NBW
130	NFC			NFC
131	NHC			NHC
132	NTH			NTH
133	ONE			ONE
134	PBP			PBP
135	PCE			PCE
136	PCT			PCT
137	PDB			PDB
138	PGN			PGN
139	PHN	PHN		
140	PIA			PIA
141	PIC			PIC
142	PMB			PMB
143	PMP			PMP
144	POT			POT

STT	Mã CK thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã CK bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã CK bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã CK thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
145	PPP			PPP
146	PPS			PPS
147	PPY			PPY
148	PRC			PRC
149	PRE			PRE
150	PSC			PSC
151	PSE			PSE
152	PSI			PSI
153	PSW			PSW
154	PTS			PTS
155	QHD			QHD
156	QST			QST
157	RCL			RCL
158	SAF			SAF
159	SD5			SD5
160	SD9			SD9
161	SDC			SDC
162	SDG			SDG
163	SDN			SDN
164	SED			SED
165	SGC			SGC
166	SHE			SHE
167	SHN			SHN
168	SIC			SIC
169	SJ1			SJ1
170	SMN			SMN
171	STC			STC
172	STP			STP
173	SVN			SVN
174	SZB			SZB
175	TA9			TA9
176	TBX			TBX
177	TDN			TDN
178	TDT			TDT
179	TET			TET
180	THS			THS
181	THT			THT
182	TJC			TJC
183	TKC			TKC
184	TKU			TKU
185	TMB			TMB
186	TMC			TMC
187	TMX			TMX
188	TPH			TPH
189	TPP			TPP
190	TSB			TSB
191	TTC			TTC
192	TTL			TTL
193	TV3			TV3
194	TV4			TV4
195	TVD			TVD
196	V12			V12

STT	Mã CK thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã CK bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã CK bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã CK thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
197	VBC			VBC
198	VC1			VC1
199	VC2			VC2
200	VC6			VC6
201	VC7			VC7
202	VCC			VCC
203	VCM			VCM
204	VE3			VE3
205	VE4	VE4		
206	VHE			VHE
207	VHL			VHL
208	VIF			VIF
209	VMS			VMS
210	VNC			VNC
211	VNF			VNF
212	VSA			VSA
213	VSM			VSM
214	VTC			VTC
215	VTV			VTV
216	WCS			WCS
217	WSS			WSS
218	X20			X20

2. Danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ trên Sở GDCK TP HCM

STT	Mã CK thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã CK bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã CK bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã CK thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
1	AAA			AAA
2	ASM			ASM
3	BIC			BIC
4	BID			BID
5	BMC			BMC
6	BMI			BMI
7	BMP			BMP
8	CSM			CSM
9	CTG			CTG
10	CMG			CMG
11	CTD			CTD
12	CTS			CTS
13	DCM			DCM
14	DHA			DHA
15	DHC			DHC
16	DHG			DHG
17	DIG			DIG
18	DMC			DMC
19	DPM			DPM
20	DPR			DPR
21	DRC			DRC
22	EIB			EIB
23	FCN			FCN
24	FPT			FPT
25	FTS			FTS
26	GAS			GAS
27	GEX			GEX

STT	Mã CK thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã CK bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã CK bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã CK thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
28	GMC			GMC
29	GMD			GMD
30	HAH			HAH
31	HCM			HCM
32	HDB			HDB
33	HDG			HDG
34	HPG			HPG
35	HSG			HSG
36	IJC			IJC
37	IMP			IMP
38	KBC			KBC
39	KDC			KDC
40	KDH			KDH
41	LIX			LIX
42	MBB			MBB
43	MSN			MSN
44	NBB			NBB
45	NKG			NKG
46	NLG			NLG
47	NTL			NTL
48	NVL			NVL
49	PAC			PAC
50	PHR			PHR
51	PNJ			PNJ
52	PPC			PPC
53	PVT			PVT
54	RAL			RAL
55	REE			REE
56	SAB			SAB
57	SAM			SAM
58	SBT			SBT
59	SCR			SCR
60	SRC			SRC
61	SRF			SRF
62	SSI			SSI
63	STB			STB
64	TCB			TCB
65	TCM	TCM		
66	TIX			TIX
67	TDP			TDP
68	TPB			TPB
69	VCB			VCB
70	VCF			VCF
71	VHC			VHC
72	VHM			VHM
73	VIX			VIX
74	VNM			VNM
75	VPB			VPB
76	VRE			VRE
77	VSC			VSC
78	LPB			LPB

STT	Mã CK thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã CK bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã CK bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã CK thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
79	VJC			VJC
80	VCG			VCG
81	VCI			VCI
82	ACB			ACB
83	AGG			AGG
84	ANV			ANV
85	BFC			BFC
86	BTP			BTP
87	BWE			BWE
88	C32			C32
89	CCL			CCL
90	CDC			CDC
91	CKG			CKG
92	CLC			CLC
93	CSV			CSV
94	CVT			CVT
95	D2D			D2D
96	DBC			DBC
97	DGC			DGC
98	DGW			DGW
99	DPG			DPG
100	DSN			DSN
101	DVP			DVP
102	FIT			FIT
103	FMC			FMC
104	FRT			FRT
105	GDT			GDT
106	GSP			GSP
107	GVR			GVR
108	HAX			HAX
109	HDC			HDC
110	HHS			HHS
111	HTI			HTI
112	HTI			HTI
113	HTN			HTN
114	IDI			IDI
115	KSB			KSB
116	LBM			LBM
117	MWG			MWG
118	NCT			NCT
119	NHA			NHA
120	NNC			NNC
121	NT2			NT2
122	PC1			PC1
123	PDR			PDR
124	PET			PET
125	PGC			PGC
126	PHC			PHC
127	POW			POW
128	PTB			PTB
129	SFI			SFI

STT	Mã CK thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã CK bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã CK bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã CK thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
130	SHI			SHI
131	SHP			SHP
132	SMB			SMB
133	SMC			SMC
134	STK			STK
135	SVC			SVC
136	SZC			SZC
137	TCH			TCH
138	TCL			TCL
139	TCT			TCT
140	TDC			TDC
141	TDM			TDM
142	THG			THG
143	TIP			TIP
144	TLG			TLG
145	TMS			TMS
146	TTB			TTB
147	TV2			TV2
148	TYA			TYA
149	UIC			UIC
150	VGC			VGC
151	VPI			VPI
152	VSI			VSI
153	CNG			CNG
154	DRH			DRH
155	HBC			HBC
156	LCG			LCG
157	LDG			LDG
158	PJT			PJT
159	C47			C47
160	KOS			KOS
161	CAV			CAV
162	HAP			HAP
163	PAN			PAN
164	SHB			SHB
165	THI			THI
166	VND			VND
167	BSI			BSI
168	SSC			SSC
169	ABT			ABT
170	BBC			BBC
171	BCM			BCM
172	BVH			BVH
173	CLL			CLL
174	CRE			CRE
175	DBD			DBD
176	DBT			DBT
177	DC4			DC4
178	DCL			DCL
179	DXG			DXG
180	GEG			GEG

STT	Mã CK thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã CK bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã CK bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã CK thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
181	ITC			ITC
182	MIG			MIG
183	MSB			MSB
184	MSH			MSH
185	NSC			NSC
186	OCB			OCB
187	OPC			OPC
188	PDN			PDN
189	PGD			PGD
190	PGI			PGI
191	PLX			PLX
192	SBA			SBA
193	SFG			SFG
194	SGN			SGN
195	SJS			SJS
196	SSB			SSB
197	ST8			ST8
198	SVI			SVI
199	SZL			SZL
200	TAC			TAC
201	TBC			TBC
202	TDG			TDG
203	TMP			TMP
204	TRA			TRA
205	TRC			TRC
206	TVT			TVT
207	VIB			VIB
208	VSH			VSH
209	VTO			VTO
210	AAT			AAT
211	ABS			ABS
212	ACC			ACC
213	ACL			ACL
214	ADG			ADG
215	ADS			ADS
216	AGR			AGR
217	APH			APH
218	ASG			ASG
219	BCG			BCG
220	BKG			BKG
221	BRC			BRC
222	BTT			BTT
223	CCI			CCI
224	CLW			CLW
225	CMV			CMV
226	CMX			CMX
227	COM			COM
228	CRC			CRC
229	CTF			CTF
230	DAT			DAT
231	DQC			DQC

STT	Mã CK thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã CK bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã CK bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã CK thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
232	DRL			DRL
233	DTA			DTA
234	DTL			DTL
235	DTT			DTT
236	ELC			ELC
237	EMC			EMC
238	EVE			EVE
239	EVG			EVG
240	FCM			FCM
241	GIL			GIL
242	GTA			GTA
243	HAR			HAR
244	HCD			HCD
245	HHP			HHP
246	HII			HII
247	HMC			HMC
248	HPX			HPX
249	HQC			HQC
250	HRC			HRC
251	HSL			HSL
252	HTL			HTL
253	HTV			HTV
254	HUB			HUB
255	HVH			HVH
256	HVX			HVX
257	IBC			IBC
258	ICT			ICT
259	ILB			ILB
260	KMR			KMR
261	KPF			KPF
262	L10			L10
263	LGC			LGC
264	LM8			LM8
265	LSS			LSS
266	MCP			MCP
267	MDG			MDG
268	NAF			NAF
269	NAV			NAV
270	NHH			NHH
271	QCG			QCG
272	S4A			S4A
273	SAV			SAV
274	SC5			SC5
275	SFC			SFC
276	SHA			SHA
277	SPM			SPM
278	STG			STG
279	SVD			SVD
280	SVT			SVT
281	TCD			TCD
282	TCO			TCO

STT	Mã CK thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã CK bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã CK bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã CK thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
283	TEG			TEG
284	TLD			TLD
285	TLH			TLH
286	TMT			TMT
287	TN1			TN1
288	TNA			TNA
289	TNC			TNC
290	TNH			TNH
291	TPC			TPC
292	TSC			TSC
293	TTA			TTA
294	TVB			TVB
295	TVS			TVS
296	VCA			VCA
297	VDP			VDP
298	VID			VID
299	VNE			VNE
300	VNG			VNG
301	VNL			VNL
302	VPD			VPD
303	VPG			VPG
304	VRC			VRC
305	VTB			VTB
306	YBM			YBM

Đường link đăng tải thông tin nói trên trên website của công ty: <https://apsi.vn/tin-tuc-cong-bo-cua-apsi.html>

Chúng tôi cam kết và chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của báo cáo này.

Kính báo cáo Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam.

NGƯỜI LẬP



Đinh Thị Phương Anh

NGƯỜI KIỂM SOÁT



Nguyễn Anh Tuấn



Phan Thiên Hà